

BỘ XÂY DỰNG**BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2010/TT-BXD

*Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2010***THÔNG TƯ****Hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng**

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo quy định tại Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

2. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có nguyện vọng và có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ.

Chương II

ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC, ĐĂNG KÝ, THẨM ĐỊNH VÀ CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

Điều 3. Điều kiện để được công nhận là cơ sở đào tạo

1. Để được xem xét, công nhận là cơ sở đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng ngoài việc phải đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ, các cơ sở đào tạo còn phải đáp ứng các điều kiện cụ thể sau:

a) Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng: đảm bảo các phòng học có quy mô, tiện nghi phù hợp với số lượng học viên và các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập;

b) Tài liệu giảng dạy:

- Nội dung tài liệu giảng dạy do cơ sở đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng biên soạn phải phù hợp với chương trình khung theo quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Tài liệu giảng dạy phải ghi tên của cơ sở đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, được in, đóng thành quyển;

- Có tối thiểu 3 bộ đề kiểm tra trắc nghiệm của chương trình đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng.

c) Giảng viên: các giảng viên tham gia giảng dạy phải có trình độ từ đại học trở lên. Mẫu kê khai danh sách và thông tin về đội ngũ giảng viên theo quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Quản lý đào tạo:

- Có bộ máy quản lý đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ để tổ chức các khóa bồi dưỡng; lưu trữ hồ sơ học viên, hồ sơ tài liệu liên quan tới công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng;

- Có quy trình quản lý và kiểm soát chất lượng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng;

- Có người phụ trách khóa học có kinh nghiệm trong việc tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng hoặc tập huấn nghiệp vụ về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động xây dựng.

Điều 4. Hồ sơ đăng ký

1. Đăng ký: các cơ sở có nhu cầu đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và đáp ứng được điều kiện nêu tại Điều 3 của Thông tư này lập hồ sơ trình Bộ Xây dựng để được xem xét, công nhận là cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Văn bản đề nghị được công nhận là cơ sở đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, trong đó cần thể hiện các thông tin liên quan đến cơ sở đào tạo như: người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email, website;

b) Hồ sơ pháp lý: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với các cơ sở không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quy định chức năng nhiệm vụ hoặc đăng ký hoạt động khoa học;

c) Danh sách giảng viên (Có tờ khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp) kèm theo hợp đồng giảng dạy hoặc hợp đồng lao động;

d) Tài liệu giảng dạy do cơ sở đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng biên soạn phù hợp với chương trình khung theo quy định và tối thiểu có 3 bộ đề kiểm tra trắc nghiệm;

đ) Các tài liệu thuyết minh của cơ sở đào tạo thể hiện việc đáp ứng điều kiện nêu tại Điều 3 của Thông tư này.

Điều 5. Thẩm định và công nhận cơ sở đào tạo

1. Thẩm định: Bộ Xây dựng thành lập Hội đồng để thẩm định hồ sơ đăng ký của cơ sở đào tạo. Trước khi họp Hội đồng, Bộ Xây dựng có thể tổ chức kiểm tra trực tiếp năng lực của cơ sở đào tạo theo nội dung quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

2. Công nhận: căn cứ kết quả thẩm định, Bộ Xây dựng quyết định công nhận cơ sở đào tạo đủ điều kiện tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và đưa lên Website của Bộ Xây dựng.

Chương III**TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG VÀ CẤP CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG****Điều 6. Tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng**

1. Cơ sở đào tạo thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ như sau:

a) Thông báo tuyển sinh, yêu cầu đối với học viên, chương trình và nội dung khóa bồi dưỡng, thời gian, địa điểm, kinh phí và các thông tin cần thiết khác;

b) Bảy (07) ngày trước ngày khai giảng mỗi khóa đào tạo bồi dưỡng phải gửi văn bản thông báo về Sở Xây dựng nơi dự kiến tổ chức khóa học về: địa điểm, thời gian, số lượng học viên, giảng viên tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng. Trường hợp có thay đổi kế hoạch thì cơ sở đào tạo phải thông báo kịp thời về Sở Xây dựng nơi dự kiến tổ chức khóa học;

c) Phổ biến nội quy, quy định của khóa học và cung cấp đầy đủ tài liệu của khóa học cho học viên trong ngày khai giảng;

d) Tổ chức giảng dạy và học tập theo chương trình đảm bảo về nội dung và thời gian không ít hơn 56 tiết cho mỗi khóa bồi dưỡng; đảm bảo giảng viên lên lớp đúng như danh sách đã đăng ký; tổ chức kiểm soát thời gian học của học viên;

đ) Tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá, xếp loại kết quả học tập để cấp chứng nhận cho học viên;

e) Lấy ý kiến đóng góp của học viên về khóa học;

g) Gửi Quyết định cấp chứng nhận và danh sách học viên được cấp chứng nhận, báo cáo việc thực hiện kế hoạch thay đổi (nếu có) về Sở Xây dựng nơi tổ chức khóa học trong thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày kết thúc khóa học.

2. Các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng phải được tổ chức tập trung; đảm bảo đủ thời gian, nội dung theo quy định của chương trình khung. Khuyến khích cơ sở đào tạo mở rộng nội dung của từng chuyên đề và bổ sung thêm các chuyên đề nâng cao cho khóa học. Số lượng học viên không được quá 150 học viên cho 01 lớp học để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập.

3. Trường hợp đã có chứng nhận của các chương trình đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ khác thì học viên được miễn tham dự các chuyên đề đã học tại các chương trình đào tạo bồi dưỡng nêu trên với điều kiện nội dung và thời lượng là tương đương so với quy định tại Thông tư này. Cơ sở đào tạo kiểm tra, lưu giữ bản sao chứng nhận của học viên và chịu trách nhiệm đối với quyết định cho phép học viên được miễn các chuyên đề này.

4. Mức thu học phí và việc quản lý, sử dụng học phí do cơ sở đào tạo quyết định trên cơ sở đảm bảo bù đắp được chi phí hợp lý của khóa học.

Điều 7. Hội đồng đánh giá kết quả học tập và xét cấp chứng nhận

Thủ trưởng các cơ sở đào tạo quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả học tập, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng để điều hành công tác tổ chức

đào tạo bồi dưỡng, đánh giá kết quả kiểm tra, xếp loại cuối khóa và xét cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng cho học viên.

Điều 8. Cấp chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng

1. Học viên tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ đảm bảo thời gian theo quy định và có kết quả học tập được Hội đồng đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên mới được cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng. Cơ sở đào tạo phải có sổ theo dõi, quản lý việc cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng của đơn vị mình.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm in, quản lý chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng. Nội dung, hình thức, quy cách của chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Cấp lại chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng

1. Người đã được cấp chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng có thể đề nghị cơ sở đào tạo cấp lại chứng nhận trong các trường hợp chứng nhận bị rách nát hoặc bị mất.

2. Người xin cấp lại chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng phải làm đơn đề nghị kèm theo ảnh gửi đến cơ sở đào tạo và phải nộp chi phí cho cơ sở đào tạo theo quy định.

3. Cơ sở đào tạo đã cấp chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu cho học viên căn cứ hồ sơ gốc để thực hiện cấp lại chứng nhận. Nội dung chứng nhận cấp lại được ghi đúng như bản cấp lần đầu.

Điều 10. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng

1. Mục đích: nâng cao kiến thức cho các cá nhân đã có chứng chỉ kỹ sư định giá hạng 2 và là điều kiện để đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá hạng 1.

2. Điều kiện của cơ sở đào tạo: cơ sở đào tạo ngoài việc đáp ứng điều kiện năng lực quy định tại Điều 3 của Thông tư này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tài liệu: có Tài liệu giảng dạy phù hợp với quy định theo chương trình khung quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giảng viên: có tối thiểu 03 giảng viên trực thuộc là kỹ sư định giá hạng 1 và đã tham gia giảng dạy đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng;

c) Thời lượng đào tạo: không ít hơn 14 tiết.

3. Tổ chức đào tạo: cơ sở đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng thực hiện theo các quy định về tổ chức đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ; đánh giá kết quả học tập; xét cấp, cấp lại chứng nhận bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ như quy định tại Điều 6, 7, 8, 9 của Thông tư này.

4. Giấy chứng nhận: giấy chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Lưu trữ hồ sơ

Cơ sở đào tạo có trách nhiệm lập hồ sơ lưu trữ sau mỗi khóa học ít nhất là 5 năm để phục vụ cho công tác kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và việc cấp lại giấy chứng nhận cho học viên, bao gồm:

1. Danh sách, hồ sơ nhập học của học viên, quyết định và danh sách học viên được cấp chứng nhận (họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, địa chỉ liên hệ, nơi thường trú) cho từng khóa học, kết quả điểm kiểm tra có xác nhận của cơ sở đào tạo.

2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy cho mỗi khóa học bao gồm: họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, địa chỉ liên hệ, nơi công tác.

3. Sổ gốc ký nhận, quản lý cấp chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng.

Chương IV

TỔ CHỨC CẤP CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

Điều 12. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Số chứng chỉ và lần cấp chứng chỉ.
- b) Các thông tin về cá nhân của người được cấp chứng chỉ.
- c) Trình độ chuyên môn được đào tạo.
- d) Hạng kỹ sư định giá xây dựng.
- đ) Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ.

2. Mẫu chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng có kích thước 85 mm x 125 mm, bìa cứng màu xanh đậm, trong ruột có 2 trang màu trắng.

3. Cách đánh số chứng chỉ và lần cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng như sau:

a) Số chứng chỉ bao gồm 2 nhóm số:

- Nhóm số thứ nhất: theo số mã điện thoại của địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);

- Nhóm số thứ hai: số thứ tự của chứng chỉ gồm có 4 chữ số.

Hai nhóm số được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-).

b) Lần cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng:

- Cấp lần đầu: ghi là cấp lần đầu;

- Cấp lại: ghi theo số lần cấp lại.

Điều 13. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Người đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này tới Sở Xây dựng nơi đăng ký cấp chứng chỉ.

2. Sở Xây dựng tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

3. Trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng xem xét cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư này.

4. Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp và nâng hạng chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

c) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao nếu có bản gốc để đối chiếu) các văn bằng, giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đề nghị cấp chứng chỉ.

d) Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo mẫu quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này, có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị nâng hạng kỹ sư định giá xây dựng từ hạng 2 lên hạng 1 bao gồm:

a) Đơn đề nghị nâng hạng kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị nâng hạng.

c) Bản sao chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ).

d) Chứng nhận tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng.

đ) Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình kể từ khi được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 theo mẫu quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

3. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá hạng 1 khi chưa có chứng chỉ kỹ sư định giá hạng 2 (Đối với các trường hợp đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ) bao gồm các tài liệu như quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư này.

Điều 15. Cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được cấp lại trong các trường hợp chứng chỉ bị rách, nát hoặc bị mất.

2. Điều kiện để được cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng:

a) Có đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chứng chỉ cũ đối với trường hợp bị rách nát.

c) Nộp lệ phí theo quy định.

3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ:

a) Người xin cấp lại chứng chỉ nộp hồ sơ theo các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này. Cơ quan cấp chứng chỉ xem xét, cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cho các cá nhân đủ điều kiện theo quy định. Thời gian cấp lại trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Nội dung của chứng chỉ cấp lại được ghi đúng như chứng chỉ cũ.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng có các quyền sau:

a) Được thực hiện các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với hạng kỹ sư định giá xây dựng được cấp.

b) Được ký chủ trì trong hồ sơ sản phẩm của các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

c) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng có các nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm trước người sử dụng lao động, chủ đầu tư và pháp luật về kết quả hoạt động theo nội dung hợp đồng tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã ký kết.

b) Hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đúng với hạng kỹ sư định giá xây dựng được cấp.

c) Không được cho người khác thuê, mượn chứng chỉ để hành nghề.

d) Không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ.

đ) Không được vi phạm các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp.

e) Hàng năm cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng nơi hoạt động tư vấn về các hoạt động có liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sau khi được cấp chứng chỉ. Nội dung thông tin cung cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

g) Xuất trình chứng chỉ và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

3. Đối với các cá nhân chưa có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, chưa có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được tham gia các hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình nhưng không được ký chủ trì vào các hồ sơ sản phẩm của hoạt động này.

Chương V

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, BÁO CÁO, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Quản lý hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Bộ Xây dựng:

a) Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

c) Xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm trong hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng.

2. Sở Xây dựng:

a) Thanh tra, kiểm tra việc đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng của các cơ sở đào tạo trên địa bàn;

b) Cung cấp thông tin cho các đối tượng liên quan về việc cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

c) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cho các cá nhân có đủ điều kiện theo đúng quy định;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền;

đ) Lưu giữ hồ sơ theo quy định hiện hành;

e) Thu hồi chứng chỉ, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của cá nhân có chứng chỉ trong quá trình tham gia hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Các hình thức vi phạm của cơ sở đào tạo: cho thuê mượn tư cách pháp nhân; rút ngắn thời lượng của chương trình, không tổ chức cho học viên làm bài kiểm tra; giảng viên không đáp ứng yêu cầu quy định; không công khai các nội dung cần thiết cho học viên khi thông báo tuyển sinh; không có quy trình quản lý; không thành lập Hội đồng đánh giá kết quả học tập; không gửi văn bản thông báo cho Sở Xây dựng trước khi tổ chức khóa học; không gửi Quyết định cấp chứng nhận và danh sách học viên được cấp chứng nhận về Sở Xây dựng; không gửi báo cáo định kỳ về Sở Xây dựng và Bộ Xây dựng; không lưu trữ hồ sơ học viên sau khóa học; vi phạm các quy định khác của Thông tư này.

2. Xử lý vi phạm đối với cơ sở đào tạo: tùy mức độ vi phạm mà cơ sở đào tạo có thể bị xử lý theo các hình thức: nhắc nhở, khắc phục hậu quả vi phạm, bồi thường thiệt hại, tạm đình chỉ, thu hồi có thời hạn hoặc vĩnh viễn Quyết định công nhận cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng. Người đứng đầu cơ sở đào tạo và cá nhân liên quan tùy mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Xử lý vi phạm về cấp chứng chỉ kỹ sư định giá

a) Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng sẽ bị thu hồi chứng chỉ khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

- Tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ, cho mượn hoặc cho thuê chứng chỉ;
- Vi phạm đạo đức nghề nghiệp;
- Sau 3 năm liên tục không hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với việc cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng nếu vi phạm các quy định của Thông tư này thì tùy mức độ vi phạm, ngoài việc bị xử lý theo quy định của Thông tư này có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền xử lý vi phạm:

a) Bộ Xây dựng có thẩm quyền:

- Quyết định yêu cầu khắc phục hậu quả vi phạm, tạm đình chỉ, thu hồi có thời hạn hoặc vĩnh viễn Quyết định công nhận cơ sở đào tạo; thông báo trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng về sai phạm của cơ sở đào tạo;

- Thu hồi Quyết định công nhận đủ điều kiện tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng nếu cơ sở đào tạo không tổ chức được khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng nào trong thời gian 24 tháng tính từ ngày ký Quyết định công nhận.

b) Sở Xây dựng có thẩm quyền:

- Nhắc nhở bằng văn bản đối với các vi phạm của cơ sở đào tạo tại địa phương và báo cáo về Bộ Xây dựng;

- Tuyên hủy giấy chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng của cá nhân nếu phát hiện sai phạm của cơ sở đào tạo trong việc cấp chứng nhận, hoặc kiến nghị hình thức xử lý sai phạm khác báo cáo Bộ Xây dựng;

- Thu hồi chứng chỉ, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 19. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng một lần, cơ sở đào tạo phải báo cáo bằng văn bản kết quả đào tạo bao gồm các nội dung: khóa đào tạo; số lượng, danh sách học viên trích ngang (Họ tên, năm sinh, nơi thường trú, ...) tham gia đã được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về Sở Xây dựng nơi đặt trụ sở chính và nơi tổ chức đào tạo.

2. Định kỳ mỗi năm một lần, cơ sở đào tạo phải báo cáo về Bộ Xây dựng bằng văn bản và qua trang thông tin điện tử (Website) của Bộ Xây dựng bao gồm: số lượng khóa đào tạo và số lượng học viên tham gia hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Xây dựng.

3. Định kỳ mỗi năm một lần, Sở Xây dựng phải báo cáo bằng văn bản và qua trang thông tin điện tử (Website) của Bộ Xây dựng về kết quả cấp, thu hồi chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng, kết quả tuyên hủy giấy chứng nhận đào tạo hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Xây dựng.

4. Trung tâm Thông tin - Bộ Xây dựng có trách nhiệm cập nhật danh sách cơ sở đào tạo được công nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng, thông tin về cơ sở đào tạo, cá nhân vi phạm để đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Xử lý chuyển tiếp

1. Các cơ sở đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng đã được Bộ Xây dựng công nhận trước khi Thông tư này có hiệu lực vẫn được tiếp tục tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, nhưng phải có trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung các điều kiện theo quy định của Thông tư này và báo cáo về Bộ Xây dựng trong thời hạn 60 ngày, kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực.

2. Các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng đang tiến hành trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục sử dụng chương trình đào tạo theo quy định tại Quyết định số 01/2008/QĐ-BXD ngày 01/02/2008 và Văn bản số 734/BXD-VP ngày 21/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc công bố chương trình khung bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng của Bộ Xây dựng.

3. Các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng triển khai sau thời điểm có hiệu lực của Thông tư này thì sử dụng chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư này.

4. Các chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng do các cơ sở đào tạo đã cấp trước khi Thông tư này có hiệu lực thì hành vẫn có giá trị sử dụng.

5. Các chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng đã cấp trước khi Thông tư này có hiệu lực thì hành vẫn có giá trị sử dụng.

6. Việc cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng đối với những hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng nộp trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành thì thực hiện theo các quy định trước khi Thông tư này có hiệu lực thì hành. Đối với các hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng nộp sau thời điểm có hiệu lực của Thông tư này thì việc cấp chứng chỉ thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2010 và thay thế cho các văn bản sau:

a) Quyết định số 01/2008/QĐ-BXD ngày 01/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình khung đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng;

b) Văn bản số 734/BXD-VP ngày 21/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc công bố những Nội dung cơ bản của Tài liệu đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng;

c) Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD ngày 18/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

d) Quyết định số 905/QĐ-BXD ngày 14/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Quyết định số 01/2008/QĐ-BXD ngày 01/02/2008 ban hành chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD ngày 18/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chế cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

đ) Quyết định số 17/2008/QĐ-BXD ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung những nội dung cơ bản của tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 01/2008/QĐ-BXD ngày 01/02/2008 và Quy chế cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD ngày 18/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Sơn

Phụ lục số 1**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG****ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng bao gồm 9 chuyên đề với thời lượng 56 tiết, cụ thể như sau:

Chuyên đề 1: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành (8 tiết)**I. Những nội dung cơ bản của hệ thống pháp luật có liên quan đến đầu tư xây dựng công trình (Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai)****1. Những nội dung cơ bản của Luật Xây dựng**

1.1 Phạm vi, đối tượng và kết cấu của Luật Xây dựng

1.2. Hoạt động xây dựng

1.3. Nội dung quản lý nhà nước về xây dựng

2. Những nội dung cơ bản của của Luật Đất đai liên quan tới hoạt động xây dựng

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.2. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

2.3. Về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình

2.4. Tài chính về đất đai và giá đất

2.5. Thu hồi đất, bồi thường, tái định cư liên quan tới dự án đầu tư xây dựng công trình

2.6. Quản lý nhà nước về đất đai

3. Những nội dung cơ bản của Luật Đầu tư liên quan đến hoạt động xây dựng

3.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

3.2. Hình thức đầu tư

3.3. Thủ tục về đầu tư khi triển khai dự án

3.4. Quản lý nhà nước về đầu tư

4. Những nội dung cơ bản của Luật Đấu thầu liên quan tới hoạt động xây dựng

4.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 4.2. Quy định chung về đấu thầu
- 4.3. Các chủ thể tham gia đấu thầu
- 4.4. Nội dung quản lý nhà nước về đấu thầu

II. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

- 1. Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C
 - 1.1. Xác định chủ đầu tư xây dựng công trình
 - 1.2. Báo cáo đầu tư xây dựng công trình
 - 1.3. Lấy ý kiến chấp thuận về quy hoạch
 - 1.4. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình
 - 1.5. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình
 - 1.6. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
- 2. Lập thẩm định Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình
 - 2.1. Phạm vi áp dụng các công trình lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật
 - 2.2. Nội dung Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình
 - 2.3. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình
- 3. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
 - 3.1. Các trường hợp được điều chỉnh
 - 3.2. Thẩm quyền điều chỉnh và tổ chức điều chỉnh

III. Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

- 1. Các hình thức quản lý dự án
 - 1.1. Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án
 - 1.2. Trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án
- 2. Các yêu cầu nội dung về quản lý dự án
 - 2.1. Quản lý khối lượng, quản lý chi phí
 - 2.2. Quản lý chất lượng xây dựng công trình
 - 2.3. Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình
 - 2.4. Quản lý an toàn lao động trên công trường xây dựng
 - 2.5. Quản lý môi trường xây dựng

IV. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

- 1. Khái niệm chi phí đầu tư xây dựng công trình
- 2. Quá trình hình thành giá xây dựng công trình
- 3. Nghiệp vụ định giá xây dựng
- 4. Nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình
- 5. Quản lý tổng mức đầu tư
- 6. Quản lý dự toán công trình

7. Quản lý định mức xây dựng
8. Quản lý giá xây dựng công trình
9. Quản lý chỉ số giá xây dựng
10. Quản lý hợp đồng xây dựng
11. Quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư

V. Điều kiện năng lực các chủ thể tham gia quá trình đầu tư xây dựng công trình

1. Các quy định chung về điều kiện năng lực đối với tổ chức và cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng
2. Điều kiện năng lực hành nghề xây dựng đối với cá nhân tham gia hoạt động xây dựng
3. Điều kiện năng lực và phạm vi hoạt động xây dựng của tổ chức

Chuyên đề 2: Phương pháp xác định tổng mức đầu tư và đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (8 tiết)

I. Phương pháp xác định tổng mức đầu tư của dự án

1. Một số vấn đề chung về tổng mức đầu tư
 - 1.1. Khái niệm và vai trò của tổng mức đầu tư
 - 1.2. Nội dung và cơ cấu các thành phần chi phí của tổng mức đầu tư
 - 1.3. Nguyên tắc xác định tổng mức đầu tư
 - 1.4. Yêu cầu của công việc tính toán
2. Một số phương pháp xác định tổng mức đầu tư
 - 2.1. Phương pháp xác định TMĐT theo thiết kế cơ sở của dự án đầu tư
 - 2.2. Phương pháp xác định TMĐT theo diện tích hoặc công suất sử dụng của công trình và giá xây dựng tổng hợp
 - 2.3. Phương pháp xác định TMĐT theo số liệu của các dự án có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương tự
 - 2.4. Kết hợp các phương pháp để xác định tổng mức đầu tư
3. Phân tích mức độ áp dụng của các phương pháp

II. Phương pháp xác định hiệu quả đầu tư của dự án

1. Khái niệm hoạt động đầu tư và hiệu quả đầu tư của dự án
 - 1.1. Khái niệm về hoạt động đầu tư
 - 1.2. Các đặc trưng cơ bản của hoạt động đầu tư

1.3. *Hiệu quả của dự án đầu tư*

1.4. *Phân tích đánh giá hiệu quả dự án*

2. *Xác định các yếu tố làm căn cứ phân tích, tính toán kinh tế - tài chính dự án*

2.1. *Tổng mức đầu tư*

2.2. *Lập kế hoạch đầu tư*

2.3. *Lập kế hoạch hoạt động*

2.4. *Kế hoạch khấu hao và xử lý các khoản thu hồi*

2.5. *Vốn lưu động*

2.6. *Kế hoạch trả nợ*

3. *Xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính dự án*

3.1. *Báo cáo tài chính trong phân tích, đánh giá hiệu quả dự án*

3.2. *Xác định các chỉ tiêu kinh tế - tài chính dự án đầu tư*

4. *Phân tích và đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của dự án đầu tư*

5. *So sánh các kết quả và lựa chọn phương án*

III. Giới thiệu phương pháp xác định suất vốn đầu tư

1. *Một số vấn đề chung về suất vốn đầu tư*

1.1. *Khái niệm, ý nghĩa và vai trò của suất vốn đầu tư*

1.2. *Nội dung kinh tế của chỉ tiêu suất vốn đầu tư*

1.3. *Phân loại suất vốn đầu tư*

2. *Phương pháp và các bước tiến hành tính toán suất vốn đầu tư xây dựng công trình*

2.1. *Một số quan điểm cơ bản*

2.2. *Các căn cứ tính toán suất vốn đầu tư*

2.3. *Các bước tiến hành xác định suất vốn đầu tư*

IV. Phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng

1. *Khái niệm, ý nghĩa, tầm quan trọng của chỉ số giá*

2. *Phân loại chỉ số giá xây dựng*

2.1. *Chỉ số giá xây dựng công trình*

2.2. *Các chỉ số giá xây dựng theo cơ cấu chi phí*

2.3. *Các chỉ số giá xây dựng theo yếu tố chi phí*

2.4. *Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu*

3. *Nguyên tắc và phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng công trình*

3.1. Nguyên tắc tính toán chung

3.2. Các căn cứ xác định chỉ số giá xây dựng

3.3. Phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng công trình

V. Giới thiệu phương pháp xác định độ dài thời gian xây dựng

1. Vai trò và ý nghĩa của độ dài thời gian xây dựng

2. Các phương pháp xác định độ dài thời gian xây dựng công trình

Chuyên đề 3: Phương pháp xác định định mức, đơn giá xây dựng công trình (12 tiết)

I. Phương pháp lập định mức xây dựng công trình

1. Hệ thống định mức xây dựng

1.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật

1.2. Định mức tỷ lệ

2. Phương pháp lập định mức dự toán xây dựng công trình

2.1. Trình tự lập định mức dự toán xây dựng công trình

2.2. Lập định mức dự toán mới cho công tác xây dựng chưa có định mức

2.3. Vận dụng có điều chỉnh các định mức dự toán công tác xây dựng đã có

2.4. Áp dụng định mức dự toán công tác xây dựng đã có

3. Những tài liệu cần thiết phục vụ lập định mức dự toán xây dựng công trình

II. Phương pháp xác định đơn giá xây dựng công trình

1. Khái niệm, yêu cầu và phân loại đơn giá xây dựng công trình

1.1. Khái niệm đơn giá xây dựng công trình

1.2. Yêu cầu đối với đơn giá xây dựng công trình

1.3. Phân loại đơn giá xây dựng công trình

2. Phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình

2.1. Đối với đơn giá chi tiết xây dựng công trình

2.2. Đối với đơn giá tổng hợp xây dựng công trình

III. Phương pháp xác định giá ca máy, giá thuê máy và thiết bị thi công công trình

1. Một số lý luận chung về giá ca máy, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng công trình

1.1. Khái niệm máy và thiết bị thi công

1.2. Khái niệm và vai trò của giá ca máy, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng công trình

2. Phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình

2.1. Trình tự xác định

2.2. Phương pháp xác định giá ca máy mới đối với các loại máy và thiết bị chưa có giá ca máy

3. Phương pháp xác định giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng công trình

3.1. Trình tự xác định

3.2. Nội dung và phương pháp xác định giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng công trình

4. Các ví dụ tính toán giá ca máy và giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng công trình

IV. Phương pháp xác định chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình

1. Một số vấn đề chung liên quan đến chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình

1.1. Khái niệm về hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng công trình

1.2. Phân loại hoạt động tư vấn

1.3. Nội dung chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình

1.4. Các quy định hiện hành liên quan đến quản lý chi phí tư vấn

2. Phương pháp xác định chi phí tư vấn

2.1. Xác định theo định mức chi phí tư vấn (tỉ lệ %) được công bố

2.2. Xác định theo dự toán

3. Sử dụng các phương pháp trên để xác định chi phí tư vấn trong tổng mức đầu tư, dự toán công trình

3.1. Xác định chi phí tư vấn trong tổng mức đầu tư của dự án

3.2. Xác định chi phí tư vấn trong dự toán công trình

Chuyên đề 4: Phương pháp đo bóc khối lượng và kiểm soát chi phí (4 tiết)

I. Phương pháp đo bóc khối lượng

1. Khái niệm về đo bóc khối lượng xây dựng và vai trò của việc đo bóc khối lượng trong việc định giá xây dựng

1.1. Khái niệm

1.2. Vai trò của việc đo bóc khối lượng trong việc định giá xây dựng

2. Phương pháp đo bóc khối lượng xây dựng công trình

2.1. Nguyên tắc đo bóc khối lượng xây dựng công trình

2.2. Trình tự triển khai công tác đo bóc khối lượng xây dựng công trình

2.3. Một số quy định cụ thể khi đo bóc khối lượng xây dựng công trình

II. Kiểm soát chi phí theo các giai đoạn đầu tư xây dựng công trình

1. Khái niệm, vai trò của việc kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình

1.1. Khái niệm

1.2. Vai trò

2. Mục đích và yêu cầu của việc kiểm soát chi phí

3. Điều kiện cần thiết để thực hiện quá trình kiểm soát chi phí

4. Nội dung kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình

4.1. Kiểm soát chi phí trong giai đoạn trước xây dựng

4.2. Kiểm soát chi phí trong giai đoạn thực hiện xây dựng công trình

5. Tổ chức quản lý việc kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình

5.1. Hình thức tổ chức kiểm soát chi phí

5.2. Trách nhiệm của chủ đầu tư đối với việc kiểm soát chi phí

5.3. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tư vấn kiểm soát chi phí

Chuyên đề 5: Phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình (4 tiết)

I. Khái niệm, nội dung, vai trò của dự toán xây dựng công trình

1. Khái niệm

2. Nội dung

3. Vai trò

II. Phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình

1. Nguyên tắc xác định

2. Phương pháp xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng công trình

2.1. Xác định chi phí xây dựng

2.2. Xác định chi phí thiết bị

2.3. Xác định chi phí quản lý dự án

2.4. Xác định chi phí tư vấn đầu tư xây dựng

2.5. Xác định chi phí khác

2.6. Xác định chi phí dự phòng

III. Quản lý dự toán xây dựng công trình

1. Thẩm tra, phê duyệt dự toán xây dựng công trình

1.1. Nội dung thẩm tra, phê duyệt dự toán công trình

1.2. Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt dự toán công trình

2. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

Chuyên đề 6: Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng (4 tiết)

1. Mục đích, yêu cầu của lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng

2. Các hình thức lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng

- Lập, trình kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu

- Tổ chức đấu thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu

- Phê duyệt và công bố kết quả đấu thầu

- Đàm phán, thương thảo và ký kết hợp đồng

Chuyên đề 7: Quản lý hợp đồng trong hoạt động xây dựng (8 tiết)

A. Những quy định chung

I. Những vấn đề chung về hợp đồng trong hoạt động xây dựng

II. Các loại hợp đồng xây dựng

1. Theo tính chất, loại công việc trong hoạt động xây dựng cần thực hiện

1.1. Hợp đồng tư vấn xây dựng

1.2. Hợp đồng thi công xây dựng công trình

1.3. Hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ

1.4. Hợp đồng thiết kế thi công xây dựng công trình

1.5. Hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ

1.6. Hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình

1.7. Hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình.

1.8. Hợp đồng chìa khóa trao tay

2. Theo giá hợp đồng

2.1. Hợp đồng trọn gói

2.2. Hợp đồng theo giá cố định

2.3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

2.4. Hợp đồng theo thời gian

2.5. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm

III. Nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng**IV. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng xây dựng****V. Hiệu lực và tính pháp lý của hợp đồng xây dựng****VI. Quản lý thực hiện hợp đồng xây dựng****B. Những quy định cụ thể****I. Các thông tin về Hợp đồng xây dựng**

1. Thông tin về hợp đồng xây dựng
2. Căn cứ ký kết hợp đồng
3. Hồ sơ hợp đồng xây dựng
4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng xây dựng

II. Nội dung và khối lượng công việc, yêu cầu chất lượng và tiến độ thực hiện

1. Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng xây dựng
2. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng xây dựng
3. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng

III. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng xây dựng

1. Giá hợp đồng xây dựng
2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng xây dựng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng
3. Tạm ứng hợp đồng xây dựng
4. Thanh toán hợp đồng xây dựng
5. Hồ sơ thanh toán
6. Đồng tiền và hình thức thanh toán hợp đồng xây dựng
7. Quyết toán hợp đồng xây dựng
8. Thanh lý hợp đồng xây dựng

IV. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng xây dựng

1. Quyền và nghĩa vụ chung của bên giao thầu và bên nhận thầu
2. Quyền và nghĩa vụ của bên giao thầu tư vấn
3. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu tư vấn
4. Quyền và nghĩa vụ của bên giao thầu thi công xây dựng công trình
5. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu thi công xây dựng công trình

6. Quyền và nghĩa vụ của bên giao thầu cung cấp thiết bị công nghệ
7. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu cung cấp thiết bị công nghệ
8. Quyền và nghĩa vụ của bên giao thầu EPC
9. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu EPC
10. Quyền và nghĩa vụ của bên giao thầu trong hợp đồng chìa khóa trao tay
11. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu hợp đồng chìa khóa trao tay

V. Điều chỉnh giá và điều chỉnh hợp đồng xây dựng

1. Nguyên tắc điều chỉnh giá và điều chỉnh hợp đồng xây dựng
2. Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng xây dựng
3. Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng
4. Điều chỉnh hợp đồng xây dựng
5. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng

VI. Tạm ngừng, chấm dứt, thưởng, phạt do vi phạm hợp đồng xây dựng

1. Tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng xây dựng
2. Chấm dứt (hủy bỏ) hợp đồng xây dựng
3. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng
4. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

VII. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng

1. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng
2. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

VIII. Các nội dung khác của hợp đồng

1. Bảo hiểm và bảo hành theo hợp đồng xây dựng
2. Hợp đồng thầu phụ
3. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ
4. Điện, nước và an ninh công trường
5. Vận chuyển thiết bị công nghệ
6. Rủi ro và bất khả kháng

Chuyên đề 8: Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình (4 tiết)

I. Thanh toán vốn đầu tư

1. Các yêu cầu cơ bản
2. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền trong thanh toán vốn đầu tư

II. Quyết toán vốn đầu tư

1. Các yêu cầu cơ bản
2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra báo cáo quyết toán
 - 2.1. Nội dung báo cáo quyết toán
 - 2.2. Biểu mẫu báo cáo quyết toán
 - 2.3. Hồ sơ trình duyệt quyết toán
 - 2.4. Thẩm quyền thẩm tra quyết toán
3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư
4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành
 - 4.1. Nội dung thẩm tra
 - 4.2. Trình tự thẩm tra và nội dung của báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành
5. Phê duyệt quyết toán
 - 5.1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán
 - 5.2. Quản lý quyết định phê duyệt quyết toán
6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán
 - 6.1. Xác định chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán
 - 6.2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán
 - 6.3. Nội dung chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán
7. Thời hạn quyết toán
8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành
 - 8.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư
 - 8.2. Trách nhiệm của các nhà thầu
 - 8.3. Trách nhiệm của cơ quan kiểm soát thanh toán, cho vay vốn đầu tư
 - 8.4. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm toán
 - 8.5. Trách nhiệm của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán
 - 8.6. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương
 - 8.7. Trách nhiệm của cơ quan tài chính các cấp

III. Hướng dẫn phương pháp quy đổi chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình tại thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng

1. Các yêu cầu, nguyên tắc
2. Phương pháp quy đổi

2.1. Căn cứ quy đổi

2.2. Trình tự quy đổi

2.3. Phương pháp quy đổi

2.4. Quy đổi chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư

2.5. Quy đổi chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác

IV. Xác định giá trị tài sản bàn giao đưa vào sử dụng

1. Các yêu cầu chung

2. Các quy định cụ thể về xác định giá trị tài sản bàn giao đưa vào sử dụng

2.1. Tài sản cố định

2.2. Tài sản lưu động

2.3. Báo cáo xác định giá trị tài sản bàn giao đưa vào sử dụng

Chuyên đề 9: Thảo luận và kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo (4 tiết)

Phụ lục 2
MẪU KÊ KHAI DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN
VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD
ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)*

(TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO)

DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quốc tịch	Chức vụ, nơi công tác	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Địa chỉ liên hệ	Giảng các chuyên đề
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Đại diện hợp pháp của cơ sở đào tạo

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục 3**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA
ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG***(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)*

<p>TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO</p> <hr/> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;"> <p>Ảnh 3 x 4 (đóng dấu của cơ sở đào tạo)</p> </div> <p>Số:...../ĐTBDKT</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG</p> <p>Cấp cho ông/bà:</p> <p>Sinh ngày:..... tháng..... năm.....</p> <p>Nơi thường trú:</p> <p>Đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng do (tên cơ sở đào tạo)</p> <p>.....</p> <p>tổ chức từ ngày...tháng...năm...đến ngày... tháng... năm... tại.... (nơi tổ chức đào tạo)</p> <p>Xếp loại:</p> <p>....., ngày tháng năm</p> <p>THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</p>
---	--

Ghi chú:

1. Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng có kích thước 210mm x 150mm.
2. Chứng nhận có 2 mặt: mặt ngoài nền màu nâu đỏ, chữ vàng; mặt trong nền màu trắng, có hình lô gô của cơ sở đào tạo, chữ đen.

Phụ lục 4**MẪU CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG***(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)*

<p>TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ</p> <hr/> <p>CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG</p> <p>Số chứng chỉ: (*) Lần cấp:</p>	<div style="border: 1px solid black; padding: 10px; width: fit-content; margin: auto;"> <p>Ảnh 3 x 4 của người được cấp chứng chỉ (đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ)</p> </div>
Trang bìa 1 (màu xanh đậm)	Trang 2 (màu trắng)
<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp cho ông/bà: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi thường trú: - Trình độ chuyên môn: <p>Chứng chỉ kỹ sư định giá hạng:</p> <p>....., ngày tháng năm</p> <p>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</p>	<p>Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định. - Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung chứng chỉ. - Không được cho thuê, mượn chứng chỉ này để hành nghề.
Trang 3 (màu trắng)	Trang 4 (màu xanh đậm)

- Ghi chú: (*) Số chứng chỉ ghi theo ví dụ sau: chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cấp ở Hà Nội ghi là: 04-0001; tại TPHCM ghi là: 08-0001...vv.

- Kích thước: 85 mm x 125 mm

Phụ lục 5**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)Lần đăng ký cấp
chứng chỉ
.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên cá nhân:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:
5. Số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu):
6. Nơi thường trú:
 - Số điện thoại liên hệ:
 - Email:
 - Website:
7. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):
8. Trình độ chuyên môn:
 - Văn bằng chuyên môn đã được cấp;
 - Giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng đã được cấp.
9. Kinh nghiệm nghề nghiệp:
 - Thời gian đã hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình;
 - Những công việc liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện.

Đề nghị được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng: ...

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong đơn này và cam kết hành nghề theo đúng chứng chỉ kỹ sư định giá được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 7**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NÂNG HẠNG KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG***(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)*Lần đăng ký
cấp chứng chỉ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NÂNG HẠNG KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên cá nhân:
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Nơi sinh:
 4. Quốc tịch:
 5. Số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu):
 6. Nơi thường trú:
 - Số điện thoại liên hệ:
 - Email:
 - Website:
 7. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):
 8. Kinh nghiệm nghề nghiệp:
 - Thời gian đã hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (kể từ thời điểm được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 đến thời điểm xin nâng hạng);
 - Những công việc liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện;
 9. Giấy chứng nhận tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng.
- Đề nghị được nâng kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 thành kỹ sư định giá xây dựng hạng 1.
- Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong đơn này và cam kết hành nghề theo đúng chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Người làm đơn*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 8
CÁC THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN CỦA KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD
ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)

1. Tên cá nhân:

2. Nơi thường trú:

- Số điện thoại liên hệ:

- Email:

- Website:

3. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):

4. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng số:

5. Cơ quan cấp chứng chỉ:

6. Hạng kỹ sư định giá xây dựng hiện tại:

7. Ngày, tháng, năm được chuyển hạng:

8. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp.

9. Những công việc liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện đến thời điểm cập nhật thông tin (địa chỉ công trình nơi hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, cấp công trình, loại công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đang thực hiện...).

Phụ lục 9
MẪU BÁO CÁO CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO
VỀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD
ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)

Kính gửi:

- Tên đầy đủ của cơ sở đào tạo:
- Tên tiếng Anh: *(nếu có)*
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:
- Fax:
- Đại diện pháp nhân:

THÔNG TIN VỀ CÁC KHÓA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐÃ TỔ CHỨC
(Từ ngày... tháng năm đến ngày... tháng..... năm)

STT	Tên khóa học <i>(báo cáo cho từng khóa)</i>	Thời gian tổ chức <i>(từ đến)</i>	Địa điểm tổ chức	Số lượng học viên tham gia	Số lượng học viên được cấp chứng nhận	Xếp loại			Ghi chú
						Giỏi	Khá	Trung bình	
1									
2									
Tổng cộng									

- Các thông tin, ý kiến khác về chương trình:
- Đề xuất, kiến nghị:.....

Đại diện hợp pháp của cơ sở đào tạo
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục 10**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHI PHÍ VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD

ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)

Chương trình khung đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng bao gồm 04 chuyên đề với thời lượng 14 tiết; cụ thể như sau:

Chuyên đề 1: Nâng cao kỹ năng lập, thẩm tra tổng mức đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư (4 tiết):

- I. Kỹ năng lập tổng mức đầu tư các dự án có quy mô lớn, có yêu cầu kỹ thuật phức tạp hoặc có tầm quan trọng quốc gia;
- II. Kỹ năng thẩm tra tổng mức đầu tư các dự án nói trên.
- III. Kỹ năng đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình:
 1. Vai trò ý nghĩa của việc đánh giá rủi ro của dự án;
 2. Giới thiệu nội dung của phương pháp phân tích, đánh giá rủi ro của dự án;
 3. Kỹ năng đánh giá hiệu quả các dự án có quy mô lớn, có yêu cầu kỹ thuật phức tạp hoặc có tầm quan trọng quốc gia.

Chuyên đề 2: Nâng cao kỹ năng quản lý và kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình (4 tiết):

- I. Kinh nghiệm của Quốc tế trong quản lý và kiểm soát chi phí các dự án quy mô lớn;
- II. Nâng cao kỹ năng quản lý và kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình các dự án có quy mô lớn, có yêu cầu kỹ thuật phức tạp;

Chuyên đề 3: Cập nhật các cơ chế chính sách đầu tư xây dựng (4 tiết):

- I. Các quy định mới liên quan đến lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;
- II. Những quy định mới về cơ chế, chính sách quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- III. Những đổi mới về cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Chuyên đề 4: Thảo luận và kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo (2 tiết).

Phụ lục 11

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH
KHÓA ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHI
PHÍ VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)

<p align="center">TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO</p> <hr style="width: 20%; margin: auto;"/> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 20px auto; text-align: center; padding: 5px;"> <p>Ảnh 3 x 4 (đóng dấu của cơ sở đào tạo)</p> </div> <p align="center">Số:...../ĐTBDNC</p>	<p align="center">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p align="center">GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHI PHÍ VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</p> <p>Cấp cho ông/bà:</p> <p>Sinh ngày:..... tháng..... năm.....</p> <p>Nơi thường trú:</p> <p>Đã hoàn thành khóa đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng do (tên cơ sở đào tạo).....</p> <p>.....</p> <p>tổ chức từ ngày...tháng...năm...đến ngày... tháng...năm...tại.....(nơi tổ chức đào tạo)</p> <p>Xếp loại:</p> <p align="right">....., ngày tháng năm</p> <p align="center">THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</p>
--	--

Ghi chú:

- Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng có kích thước 210mm x 150mm.
- Chứng nhận có 2 mặt: mặt ngoài nền màu đỏ, chữ vàng; mặt trong nền màu trắng, có hình lô gô của cơ sở đào tạo, chữ đen.

Phụ lục 12
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ KỸ SƯ
ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BXD
ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng)*

Lần đăng ký cấp
lại chứng chỉ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên cá nhân:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:
5. Số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu):
6. Nơi thường trú:
 - Số điện thoại liên hệ:
 - Email:
 - Webside:
7. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):
8. Số chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng đã được cấp:
9. Lý do xin cấp lại:

Đề nghị được cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng: ...

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong đơn này và cam kết hành nghề theo đúng chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)